

BẢNG PHÂN CÔNG CÔNG VIỆC THÍ NGHIỆM

TT	Các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Nhân viên phụ trách
THỬ NGHIỆM XI MĂNG			
1.	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023 ASTM C204-24 ASTM C188-23; ASTM C430-25; AASHTO T153-22; AASHTO T133-22; AASHTO T192-23	Hồ Tấn Lực
2.	Xác định cường độ nén và cường độ uốn	TCVN 6016:2011; ASTM C109-24	
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn	TCVN 6017:2015 ASTM C187-23	
4.	Xác định thời gian đông kết	TCVN 6017:2015 ASTM C191-21; AASHTO T131-23	
5.	Xác định độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015	
6.	Xác định hàm lượng cặn không tan, mất khi nung, hàm lượng anhydric sunfuric (SO ₃), magie oxit (MgO)	TCVN 141:2023 ASTM C114-24	Nguyễn Chí Bảo
THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
7.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143/C143M-20; AASHTO T119-18	Hồ Tấn Lực Nguyễn Thanh Long
8.	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993; ASTM C138/C138M-24a; AASHTO T121-19	
9.	Xác định độ tách vữa và độ tách nước của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022	
10.	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng của bê tông	TCVN 3112:2022 ASTM C642-21	Hồ Tấn Lực Nguyễn Chí Bảo
11.	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113:2022 ASTM C642-21	
12.	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:2022 ASTM C642-21	
13.	Xác định cường độ chịu nén của bê tông	TCVN 3118:2022 ASTM C39/C39M-21	
14.	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn của bê tông	TCVN 3119:2022	



TT	Các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Nhân viên phụ trách
15.	Xác định cường độ chịu kéo dọc trục khi bẻ của bê tông	TCVN 3120:2022; ASTM C496/C496M-17	
THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA			
16.	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006 ASTM C136/C136M-19 AASHTO T27-20	Hồ Tấn Lực Nguyễn Chí Bảo
17.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước của cốt liệu	TCVN 7572-4:2006 ASTM C128-22; AASHTO T84-22, AASHTO T85-22	
18.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc	TCVN 7572-5:2006; AASHTO T85-22	
19.	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ rỗng	TCVN 7572-6:2006 ASTM C29/C29M-23 AASHTO T19/T19M-14	
20.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006 ASTM C566-19; AASHTO T255-00	
21.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C117-17; AASHTO T112-23	
22.	Xác định tạp chất hữu cơ (phương pháp so màu)	TCVN 7572-9:2006 ASTM C40/C40M-20; AASHTO T21-20	
23.	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM D7012-23	
24.	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	
25.	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006 ASTM C535-16 AASHTO T96-22	
26.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D4791-23	
27.	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:2006	
28.	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:2006 BS EN 1744-10	
29.	Xác định hàm lượng sulfat và sulfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006	
30.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006	

0242
ÔNG
TNH
N-XA
HƯOC
Ồ HỒ

TT	Các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Nhân viên phụ trách
31.	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	Hồ Tấn Lực Nguyễn Chí Bảo
32.	Xác định lượng vật liệu nhỏ hơn 75 μm	TCVN 14135-4: 2024 AASHTO T11-20	
33.	Xác định hàm lượng sét bằng thí nghiệm cát đương lượng	AASHTO T176-17	
	THỬ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG		
34.	Xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195:2012; ASTM D854-23; AASHTO T100-15	Trịnh Đức Hóa
35.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216-19; AASHTO T265-15	
36.	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm	TCVN 4197:2012; ASTM D 4310-22a; ASTM D2216-19; AASHTO T89-13; AASHTO T90-20	
37.	Xác định thành phần hạt trong phòng thí nghiệm	TCVN 4198:2014; AASHTO T88-22	
38.	Xác định sức chống cắt trong phòng thí nghiệm ở máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995; ASTM D3080M-23	
39.	Xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012; ASTM D2435-20	
40.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; ASTM D1557-21; ASTM D698-12(2021) AASHTO T99-19 AASHTO T180-20	
41.	Xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012; ASTM D7263-21	
42.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)- Trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020	
43.	Xác định độ bền nén một trục nở hông	TCVN 9438:2012; ASTM D2166-06; ASTM D1633-17	
44.	Làm ướt và làm khô mẫu hỗn hợp đất - xi măng nén chặt	ASTM D559/D559M-15(2023)	
	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN		

2723-
3 TY
IH
Y DƯ
THINH
CHI

TT	Các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Nhân viên phụ trách
45.	Thử kéo	TCVN 197-1:2014 ASTM A370-23	Hồ Tấn Lực Trịnh Đức Hóa
46.	Thử uốn	TCVN 198:2008 ASTM A370-23	
47.	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – Thử uốn	TCVN 5401:2010	
48.	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại - Thử va đập	TCVN 5402:2010	
49.	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử kéo	TCVN 8310:2010; TCVN 8311:2010	
50.	Thử kéo bu lông	TCVN 1916:1995 ASTM A370-23	
THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA			
51.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011 ASTM D6927-22 AASHTO T245-22	Hồ Tấn Lực Nguyễn Thanh Long
52.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm	TCVN 8860-2:2011 ASTM D2172/D2172M-17e1 AASHTO T164-22	
53.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011 ASTM C136/C136M-19 AASHTO T27-23	
54.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011 ASTM D2041/D2041M-19 AASHTO T209-23	
55.	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011 AASHTO T166-22 ASTM D2726/D2726M-21	
56.	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011	
57.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	
58.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011 AASHTO T269-14 ASTM D3203-22	
59.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	
60.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	

TT	Các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Nhân viên phụ trách
61.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011 AASHTO T245-22	
THỬ NGHIỆM NHỰA BI TUM			
62.	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005 AASHTO T49-22	Hồ Tấn Lực Nguyễn Thanh Long
63.	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005 ASTM D113-17 AASHTO T51-22	
64.	Xác định điểm hóa mềm (dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005 AASHTO T53-22	
65.	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005 ASTM D92-18 AASHTO T48-22	
66.	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5 giờ	TCVN 7499:2005 ASTM D6-18	
67.	Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005 ASTM D2042-22 AASHTO T44-23	
68.	Xác định khối lượng riêng (phương pháp pycnometer)	TCVN 7501:2005 ASTM D70/D70M-21	
69.	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005 ASTM D3625/D3625M-20	
THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG			
70.	Xác định kích thước hạt lớn nhất của cốt liệu	TCVN 3121-1:2022	Hồ Tấn Lực Nguyễn Thanh Long
71.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022	
72.	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022	
73.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đông rắn	TCVN 3121-11:2022	
74.	Xác định hệ số hút nước do mao dẫn của vữa đông rắn	TCVN 3121-18:2022	
THỬ NGHIỆM GẠCH BLOCK BÊ TÔNG			
75.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016	Hồ Tấn Lực Nguyễn Thanh Long
76.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	
77.	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016	
78.	Xác định độ bền nén	TCVN 6477:2016	
79.	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016	

TT	Các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Nhân viên phụ trách
THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN			
80.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999	Hồ Tấn Lực Nguyễn Thanh Long
81.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355:2009	
82.	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065:1995	
83.	Xác định độ bền nén	TCVN 6476:1999	
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY			
84.	Xác định độ bền nén	TCVN 6355-2:2009	Hồ Tấn Lực Nguyễn Thanh Long
85.	Xác định độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009	
86.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	
87.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	
88.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	
THỬ NGHIỆM GẠCH TERRAZZO			
89.	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước	TCVN 7744:2013	Hồ Tấn Lực Nguyễn Thanh Long
90.	Xác định độ hút nước	TCVN 7744:2013	
91.	Xác định độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009	
92.	Xác định độ chịu mài mòn	TCVN 6065:1995	
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ÓT LÁT			
93.	Lấy mẫu	TCVN 6415-1:2016	Hồ Tấn Lực Nguyễn Thanh Long
94.	Xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích	TCVN 6415-3:2016	
95.	Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-4:2016	
96.	Xác định độ bền chống bám bẩn	TCVN 6415-14:2016	
THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG NHẹ - GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP			
97.	Xác định hình dạng, kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 9030:2017	Hồ Tấn Lực

TT	Các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Nhân viên phụ trách
98.	Xác định khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:2017	Nguyễn Thanh Long
99.	Xác định cường độ nén	TCVN 9030:2017	
100.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	
THỬ NGHIỆM NƯỚC CHO XÂY DỰNG			
101.	Xác định hàm lượng cặn	TCVN 4560:1988	Nguyễn Chí Bảo
102.	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988	
103.	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011	
104.	Xác định clorua	TCVN 6194:1996	
105.	Xác định hàm lượng ion sunfat (SO ₄ ²⁻) trong nước	TCVN 6200:1996	
106.	Xác định chỉ số Pemanganat	TCVN 6186:1996	
THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG B.T. N			
107.	Xác định thành phần hạt	TCVN 12884-2:2020	Hồ Tấn Lực Nguyễn Thanh Long
108.	Xác định độ ẩm	TCVN 12884-2:2020	
109.	Khối lượng riêng của bột khoáng chất	TCVN8735:2012	
110.	Xác định chỉ số dẻo	TCVN 4197:2012	
THỬ NGHIỆM VẢI ĐỊA KỸ THUẬT – BÁC THẨM VÀ VỎ BỌC BÁC THẨM, LƯỚI ĐỊA KỸ THUẬT, MÀN KÍN KHÍ, CHỈ VÀ CÁC SẢN PHẨM ĐỊA KỸ THUẬT			
111.	Xác định độ dày	TCVN 8220:2009 ASTM D5199-19	Hồ Tấn Lực Nguyễn Thanh Long
112.	Xác định khối lượng đơn vị	TCVN 8221:2009 ASTM D3776/D3776M-20	
113.	Xác định cường độ kéo, độ giãn dài	TCVN 8485:2010 ASTM D4595-2024	
114.	Xác định lực kéo giặt	TCVN 8871-1:2011 ASTM D4632-2023	

TT	Các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Nhân viên phụ trách
115.	Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011 ASTM D4533-23	Hồ Tấn Lực Nguyễn Thanh Long
116.	Xác định lực xuyên thùng CBR	TCVN 8871-3:2011 ISO 12236-06 ASTM D6241-22a	
117.	Xác định lực kháng xuyên thùng thanh	TCVN 8871-4:2011 ASTM D4833-2020	
118.	Xác định áp lực kháng bụi	TCVN 8871-5:2011 ASTM D3786-2023	
119.	Xác định kích thước lỗ biểu kiến	TCVN 8871-6:2011 ASTM D4751-21A ISO 12956-19	
120.	Xác định độ thấm đơn vị, lưu lượng thấm xuyên	TCVN 8487:2010 ASTM D4491-22	
121.	Xác định sức bền kháng thùng bằng phép thử rơi côn	TCVN8484:2010 ISO 13433	
122.	Xác định cường độ chịu kéo mối nối	TCVN 9138:2012 ASTM D4884/D4884M-22 ISO 10321-08	
123.	Xác định cường độ chịu kéo của chỉ khâu	ASTM D2256-21; ISO 10321-08	
124.	Xác định khối lượng riêng của lõi bắc thấm	ASTM D1505-18	
125.	Xác định chịu kéo và giãn dài của lõi bắc thấm	ASTM D1621-16(2023)	
THỬ NGHIỆM RỌ ĐÁ, THẨM ĐÁ, LƯỚI THÉP DÂY THÉP BỌC VỎ NHỰA			
126.	Khối lượng riêng dây đai và vỏ bọc	ASTM D792-20	Hồ Tấn Lực Nguyễn Thanh Long
127.	Xác định độ cứng dây đai, độ cứng vỏ bọc PVC	ASTM D2240-21	
128.	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	ASTM D412-16 (2021)	
129.	Xác định kích thước lớp mạ kẽm dây lưới, lớp mạ kẽm dây viền, đường kính dây viền mạ kẽm, đường kính dây lưới mạ kẽm	TCVN 10355:2018	
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG			
130.	Xác định khối lượng thể tích, độ chặt đất hiện trường bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020; ASTM D2937-17e2	Nguyễn Thanh Long
131.	Xác định khối lượng thể tích, độ chặt hiện trường bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012 TCVN 8730:2012 AASHTO T191-14 ASTM D1556/D1556M-15e1	

TT	Các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Nhân viên phụ trách
132.	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Nguyễn Thanh Long
133.	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vòng benkelman	TCVN 8867:2011	
134.	Phương pháp thử nghiệm tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	Nguyễn Chí Bảo
135.	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351: 2022	Hồ Tấn Lực Nguyễn Thanh Long Trịnh Đức Hóa
136.	Xác định độ bằng phẳng mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	
137.	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011 ASTM E965-19	
138.	Xác định cường độ nén của bê tông bằng phương pháp sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng thử bê tông loại bật nảy.	TCVN 9335:2012 ASTM C805/C805M-18	
139.	Đo điện trở của đất nền	TCVN 9385:2012	
140.	Bê tông – Phương pháp siêu âm xác định khuyết tật	TCVN 9334:2012	
141.	Xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012 ASTM C805/C805M-18	
142.	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020 ASTM C42/C42M-20	
143.	Xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012	

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - XÂY DỰNG
AN PHƯỚC THỊNH
GIÁM ĐỐC**



Trương Ngọc Dương Thu

Họ và tên	Trịnh Đức Hóa
Chức danh:	Trưởng phòng thí nghiệm
Mục tiêu công việc:	Quản lý hoạt động của Phòng thí nghiệm xây dựng

Nhiệm vụ

- Tổ chức quản lý và điều hành mọi hoạt động chung của Phòng thí nghiệm, bảo đảm tuân thủ nghiêm ngặt những quy định, quy chế của Phòng Thí nghiệm.
- Chịu trách nhiệm quản lý chung của Phòng thí nghiệm.
- Quản lý nhân viên và các hoạt động trong phòng thí nghiệm
- Phải đảm bảo thời gian trả kết quả đúng hạn và kết quả đảm bảo tính chính xác.
- Phải đánh giá được mức độ chính xác của kết quả
- Theo dõi chung các hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn các thiết bị.
- Giám sát, phân công công việc cụ thể cho từng thí nghiệm viên phù hợp với văn bằng, chứng chỉ được đào tạo.
- Điều độ kế hoạch thực hiện thí nghiệm.
- Chịu trách nhiệm về hồ sơ, tài liệu, sổ sách thí nghiệm phù hợp hệ thống quản lý chất lượng đã xây dựng.
- Chịu trách nhiệm về các kết quả thử nghiệm của Phòng thí nghiệm do mình phụ trách.
- Chịu trách nhiệm quản lý chung của Phòng thí nghiệm.
- Lập báo cáo tình hình hoạt động Phòng Thí nghiệm Xây dựng
- Tổ chức soát xét định kỳ về sự phù hợp của hệ thống chất lượng.
- Ký các báo cáo kết quả thí nghiệm để đóng dấu
- Tổ chức kiểm tra bất thường khi có dấu hiệu nghi ngờ về chất lượng thí nghiệm.

Quyền lợi:

- Đề nghị xử lý hoặc niêm phong chờ xử lý khi kết quả thí nghiệm không phù hợp
- Có quyền yêu cầu ngừng tiến hành công việc để xem xét đối với một hoặc một nhóm thí nghiệm viên khi có dấu hiệu biểu hiện không tuân thủ thủ tục, quy phạm kỹ thuật.
- Có quyền đề xuất với Ban giám đốc về bổ sung nhân lực, trang thiết bị hoặc ngưng ký hợp đồng lao động đối với cá nhân không tuân thủ thủ tục, quy phạm kỹ thuật.

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - XÂY DỰNG

AN PHƯỚC THỊNH
GIAM ĐỐC



Trương Ngọc Dương Thu

Họ và tên	Nguyễn Chí Bảo Hồ Tấn Lực Nguyễn Thanh Long
Chức danh:	Thí nghiệm viên
Mục tiêu công việc:	Thực hiện thí nghiệm có hiệu quả, chính xác, đúng hạn
Nhiệm vụ - Tiến hành các phép thử nghiệm khi được phân công; - Lưu trữ tất cả các dữ liệu thí nghiệm và kết quả thử nghiệm một cách chính xác, ở định dạng quy định - Phải đảm bảo thời gian trả kết quả đúng hạn và kết quả đảm bảo tính chính xác. - Làm vệ sinh dụng cụ thí nghiệm, thiết bị sau khi thí nghiệm - Duy trì và theo dõi tình trạng trang thiết bị thử nghiệm được phân công giữ. - Chịu trách nhiệm về dữ liệu kết quả thí nghiệm. - Vận hành và quản lý các trang thiết bị thí nghiệm để giảm sai số của kết quả đồng thời đảm bảo an toàn và độ bền cho trang thiết bị. - Bảo quản, bảo dưỡng máy móc, thiết bị thí nghiệm, đúng quy định. - Lập hồ sơ báo cáo kết quả các thí nghiệm theo các biểu mẫu quy định. - Đối với các cá nhân được phân công làm nhóm trưởng thí nghiệm tại hiện trường ngoài công việc thí nghiệm phải chịu trách nhiệm quản lý nhân viên trong nhóm, phân tích yêu cầu thí nghiệm và đặc điểm hiện trường để lên phương án thí nghiệm. Trực tiếp làm việc với khách hàng tại hiện trường và lập biên bản xác định khối lượng thực tế tiến hành. - Ghi chép đầy đủ, rõ ràng, không được tẩy xóa các số liệu thí nghiệm - Thực hiện thử nghiệm theo đúng các tiêu chuẩn của ngành, tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tiêu chuẩn Quốc tế quy định Quyền lợi: - Đề nghị xử lý hoặc niêm phong chờ xử lý khi kết quả thí nghiệm không phù hợp	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - XÂY DỰNG
AN PHƯỚC THỊNH
GIÁM ĐỐC



Trương Ngọc Dương Thu